**mPHẦN HÌNH HỌC**

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: NGUYỄN VĂN ĐỨC**

**TỔ: TOÁN Tuần 31 – Tiết:61**

## **TIẾT HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT- DIỆN TÍCH XUNG QUANH**

## **VÀ THỂ TÍCH CỦA HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT**

 **( Dạy lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

- Nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy .

- Biết được công thức tính diện tích hình nón cụt

- Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón.

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón và thể tích hình nón

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Com pa, thước thẳng , thước đo góc , eke .

**2. Học sinh:**

- Compa, thước thẳng, thước đo góc.

**III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Cấp độ****Tên**  **chủ đề**  | **Nhận biết (M1)** | **Thông hiểu****(M2)** | **Vận dụng** |
| **Cấp độ thấp (M3)** | **Cấp độ cao (M4)** |
|  HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT- DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH CỦA HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT | -Khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy -Vẽ hình nón | -Vẽ hình nón- Viết công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của của hình nón | - Vận dụng Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của của hình nón, hình nón cụtđể giải bài tập | Vận dụng Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nĩn và công thức tính thể tích hình nĩn biến đổi tính giá trị chưa biết |

**2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá.**

***a) Nhóm câu hỏi nhận biết:***

Câu 1: Nêu khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy .

Câu 2: Vẽ hình nón

***b) Nhóm câu hỏi thông hiểu***

Câu 1: Viết công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình nón ?

Câu 2: Viết và nói rõ từng đại lượng trong công thức tính thể tích của hình nón?

***c) Nhóm câu hỏi vận dụng thấp:***

- Tính Sxp của hình nón biết h =16cm; r =12cm

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Phối hợp bài mới

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** HS biết được các SẢN PHẨM SỰ KIẾN cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Viết công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình trụ ?

Câu 2: Viết và nói rõ từng đại lượng trong công thức tính thể tích của hình trụ?

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| ***Hoạt động 1: Tìm hiểu hình nón và công thức tính diện tích hình nón*****a) Mục tiêu:** Biết được hình nón và công thức tính diện tích hình nón**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập. **c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. |
| **Nhiệm vụ 1:****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV: Giới thiệu hình nón và cách tạo ra hình nón bằng cách cho tam giác vụông quay quanh 1 cạnh góc vụông.GV: giới thiệu các yếu tố của hình nón: đường sinh, chiều cao, trục của hình nónGV: Cho HS đứng tại chỗ làm  **?1** .**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát mô hình cái nón và trả lời các yếu tố của hình nón?**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS nêu Khái niệm hình nón.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chốt kiến thức.**Nhiệm vụ 2****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV: Cắt một mô hình cái nón giấy dọc theo đường sinh rồi trải ra.GV: Hình khai triển ra là diện tích mặt xung quanh của hình nón là hình gì?GV: Cho học sinh nêu công thức tính diện tích hình quạt tròn SAA’A.GV: Em hãy nêu công thức tính diện tích xung quanh hình chóp đều? (S xq = p.d)GV: Em có nhận xét gì về diện tích xung quanh của hai hình này?GV: Cho học sinh thực hiện cách giải ví dụ.GV: Cho học sinh nêu công thức tính và vận dụng tính diện tích xung quanh của hình nón.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Quan sát thực hiện các yêu cầu của GV **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày công thức Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón và thể tích hình nón**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chốt kiến thức. | **1. Hình nón**

|  |
| --- |
| OC: bán kính đáyOA: đường caoAC: đường sinhA: đỉnh hình nón |

 **?1**  HS chỉ các yếu tố trên hình vẽ**2. Diện tích xung quanh của hình nón**Công thức: **Sxq=**   Stp =+Trong đó: r: bán kính đáy; l :độ dài đường sinh.Ví dụ: Tính Sxp của hình nón biết h =16cm; r =12cmĐộ dài đường sinh của hình nón: (cm)Diện tích xung quanh của hình nón:Sxq =  (cm2)**3. Thể tích hình nón** Công thức: **V = r2h** |
| ***Hoạt động 1: Tìm hiểu hình nón cụt và công thức tính diện tích hình nón cụt*****a) Mục tiêu:** Biết được hình nón cụt và công thức tính diện tích hình nón cụt**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập. **c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. |
| ***Nhiệm vụ 1:*****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV lấy mô hình hình nón cụt giới thiệu cho HS các khái niệm của hình nón cụt như SGK.Yêu cầu HS trả lời: Em hãy cho một ví dụ về hình nón cụt trong thực tế mà em biết?**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Thực hiện các yêu cầu của GV **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Gọi HS trình bày kết quả **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chốt kiến thức.***Nhiệm vụ 2:*****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV: Hướng dẫn học sinh xây dựng công thức tính diện tích xung quanh của hình nón cụt theo công thức tính diện tích xung quanh của hai hình nón.Tương tự thể tích hình nón cụt cũng là hiệu của thể tích hình nón lớn và hình nón nhỏ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Thực hiện các yêu cầu của GV **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Gọi HS trình bày kết quả **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chốt kiến thức. | **4. Hình nón cụt**

|  |
| --- |
| Hai đáy của hình nón cụt không bằng nhau. |

**5. Diện tích xung quanh và thể tích hình nón cụt****Diện tích xung qunh hình nón cụt:** **Sxq =** **Thể tích hình nón cụt:** **V =**  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được lý thuyết để làm bài tập

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

– GV nhấn mạnh lại kiến thức về hình nón cụt công thức tính diện tích xung quanh và thể tích hình nón cụt**. (M1)**

– Bài tập 20 trang 118 SGK**. (M2)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bán kính đáyr (cm) | Đường kính đáy d (cm) | Chiều caoh (cm) | Độ dài đường sinh l (cm) | Thể tíchV (cm) |
| **10** | 20 | **10** |  |  |
| 5 | **10** | **10** |  |  |
|  |  | **10** |  | **1000** |
| **10** | 20 |  |  | **1000** |
| 5 | **10** |  |  | **1000** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

- Em hãy nêu công thức tính thể tích hình nón? (M1)

- Nêu cách tính thể tích hình nón? (M1)

**4. Hướng dẫn về nhà**

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 16, 17 SGK

– Chuẩn bị bài tiếp theo

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: NGUYỄN VĂN ĐỨC**

**TỔ: TOÁN Tuần 31 – Tiết:62**

**TIẾT : LUYỆN TẬP**

 **B4 HĐTNST- Chủ đề: LĂNG TRỤ ĐỨNG- HÌNH TRỤ**

 **TÍNH DIỆN TÍCH XUNG QUANH, THỂ TÍCH HÌNH TRỤ.**

**(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy .

- Biết được công thức tính diện tích hình nón cụt

- Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón.

- Củng cố cho HS cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình trụ bằng thực hành tính toán vật thể hình trụ trong công viên trường

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón và thể tích hình nón

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Com pa, thước thẳng , thước đo góc , eke .

**2. Học sinh:**

- Compa, thước thẳng, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Phối hợp bài mới

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** HS biết được các SẢN PHẨM SỰ KIẾN cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới

**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Viết công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình nón ?

Câu 2: Viết và nói rõ từng đại lượng trong công thức tính thể tích của hình nón?

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**\* HĐTNST- Chủ đề: LĂNG TRỤ ĐỨNG- HÌNH TRỤ**

 **TÍNH DIỆN TÍCH XUNG QUANH, THỂ TÍCH HÌNH TRỤ.**

**a..Mục tiêu :**

- Củng cố cho HS cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình trụ.

 **b. Nội dung:** Hoàn thành các nhiệm vụ tính dtxq, thể tích các vật thể trong khuôn viên trường.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ 1:\* Giao nhiệm vụ, phiếu kết quả, dụng cụ học tập:** **( 3 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV:** Chia lớp thành 3 nhóm và giao dụng cụ cho từng nhóm **GV:** Giao nhiệm vụ dưới dạng cuộc thi giữa các nhóm:Trong khu vực trường học, hãy tìm một vật dụng hình trụ. Sau đó:a) Tính diện tích xung quanh của hình trụ ?b) Tính thể tích của hình trụ ?**GV:** Tập trung, điều khiển HS ra sân bãi | **HS:** Thực hiện theo sự điều khiển của GV**HS:** Nhận nhiệm vụ.**HS:** Thực hiện theo sự điều khiển của GV |

 **HĐ 2. Thực hiện nhiệm vụ của hoạt động: ( 27 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV:** Tổ chức cho các nhóm lựa chọn địa điểm thích hợp.**GV:** Sau khi các nhóm đã lựa chọn xong GV chốt vị trí cho từng nhóm để thực hiện nhiệm vụ của hoạt động.**GV:**  Giám sát, điều khiển hoạt động của các nhóm. | **HS:** Các nhóm lựa chọn dụng cụ để thực hiện.**HS:** Thực hiện nhiệm vụ:- Dùng thước đo bán kính đáy, chiều cao.- Tính toán theo công thức.**HS:** Thực hiện theo sự điều khiển của GV |

 **HĐ3. Nghiệm thu kết quả hoạt động: ( 10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV:** Tổ chức cho HS thu dọn vị trí của nhóm, tập trung các nhóm về vị trí.**GV:** Gọi nhóm trưởng các nhóm nộp phiếu kết quả hoạt động và dụng cụ.**GV:** Nhận xét kết quả hoạt động của các nhóm và nhận xét chung về ý thức, thái độ của từng nhóm trong quá trình thực hiện hoạt động và sẽ thông báo kết quả của các nhóm xem nhóm nào chiến thắng trong hoạt động.**GV:** Nhắc nhở, hướng dẫn học sinh tự học ở nhà: Học bài và làm các bài tập trong SGK. Giữ các dụng cụ của nhóm tiết sau tiếp tục thực hiện trải nghiệm. | **HS:** Thực hiện theo sự điều khiển của GV**HS:** Thực hiện theo sự điều khiển của GV**HS:** Chú ý lắng nghe.**HS:** Chú ý lắng nghe. |

**HĐ4. Lưu trữ kết quả hoạt động:**

GV lưu lại các phiếu báo cáo kết quả hoạt động của từng nhóm kẹp cùng với giáo án. Chấm điểm cho các nhóm và công bố vào tiết sau. (Có thể cho vào điểm thực hành hoặc điểm KTTX)

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**\* Hoạt động vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

- Em hãy nêu công thức tính thể tích hình nón? (M1)

- Nêu cách tính thể tích hình nón? (M1)

**4. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại các bài tập đã giải

- Làm thêm các bài tập 25, 26, 27, trang 119 SGK, 28, 29 trang 120, bài 17, 18,20,21,23, 24, 26 trang 126, 127, 128 SBT.

- Soạn bài “*Hình cầu -Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu* ”

**ĐẠI SỐ**

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

 **Họ và tên GV dạy: NGUYỄN VĂN ĐỨC**

 **TỔ: TOÁN. Tuần 31 – Tiết:61**

**TIẾT 61: LUYỆN TẬP**

 **(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức:***

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về giải các dạng phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu thức, phương trình tích

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trừờng hợp a + b + c = 0; a- b + c = 0 để giải phương trình trùng phương.

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

**2. Học sinh:**

- Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. Ổn định lớp***

***2. Kiểm tra bài cũ:*** (Kiểm tra trong quá trình luyện tập)

***3. Bài mới***

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** Kích thích hứng thú, say mê giải bài tập cho hs.

**b) Nội dung:** Vận dụng sự hiểu biết trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Để giải thành thạo các dạng bài tập liên quan đến phương trình đưa được về phương trình bậc hai thì ta phải làm gì?

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Hs vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào việc giải bài tập

**b) Nội dung:** HS giải các bài tập

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*Giáo viên yêu cầu HS làm các bài tập: + bài tập 35b/56 SGK+ bài tập 36a/56 SGK+ bài tập 37 trang 56+ bài tập 38d/56 SGK+ bài tập 39/57 SGK+ bài tập 40/57 SGK**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Thảo luận hoàn thanh các bài bập GV giaoGV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + Gọi một số HS lên bảng trình bày kết quả+ Cả lớp theo dõi, tham gia nhận xét**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS | Bài 35b/56: (1) Điều kiện : x 5; x 2=(- 15)2 – 4.(4).(-4) = 225 + 64 = 289 > 0, = 17x1= , x2 = (không thỏa ĐK)Vậy: Phương trình có một nghiệm x = 4 Bài 36/56:a)(3x2 – 5x + 1)(x2 – 4 ) = 0  Bài 37/56:b) 5x4 +2x2 - 16 = 10 – x2 5x4 +3x2 - 6 = 0  Giải -Đặt x2 = t ( t 0) Ta có phương trình: 5t2 + 3t -26 = 0  = (3)2 – 4.5.(-26) = 9 +520 = 529 > 0 . = 23, ta có: x2 = 4 x1= , x2 = - (không thỏa mãn điều kiện)Vậy: Phương trình có hai nghiệm : x1= , x2 = -Bài 38d/56:d) 2x(x – 7 ) – 6 = 3x -2x +8 2x2 – 15x – 14 = 0  = (-15)2 – 4.2.(-14) = 337 > 0 . = x1 = ; x2 = Bài 39/57: b) x3 + 3x -2x – 6 = 0 x2(x + 3)- 2(x + 3) = 0 (x2 – 2)(x + 3) = 0⬄ x2 – 2 = 0 hoặc x + 3 = 0⬄ Bài 40a/57 :a) 3(x2 + x)2 -2(x2 + x) -1 = 0Đặt t = x2 + x, ta có phương trình 3t2 – 2t - 1 = 0 ’ = (-1)2 – 3.(-1) = 4 > 0 = 2t1 =  = 1; t2 = =(không thỏa mãn điều kiện)t = 1, ta có: x2 = 1 x1= 1, x2 = -1Vậy: *Phương trình có hai nghiệm* : x1= 1, x2 = -1 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoàn thành các bài tập củng cố

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải phương trình trùng phương ở dạng tổng quát (M1)

Câu 2: Nêu cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu. (M2)

Câu 3: Nêu cách giải phương trình tích. (M2)

***4.* *Hướng dẫn về nhà***

- Xem lại các bài tập đã giải

- Làm tiếp các bài tập còn lại SGK

- Soạn bài:”Giải bài toán bằng cách lập phương trình ”

**ĐẠI SỐ**

**TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Họ và tên GV dạy: NGUYỄN VĂN ĐỨC**

 **TỔ: TOÁN Tuần 31 – Tiết:62**

**TIẾT 61: TIẾT: §8. GIẢI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH**

 **(Môn: Toán, Lớp:9A1,2,4; thời lượng thực hiện: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

*-* Hiểu được cách giải bài toán bằng cách lập phương trình

- Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn

- Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình

**+** Biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn

*+* Biết cách tìm mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình

**+** Biết cách trình bày bài giải của một bài toán bậc hai

***2. Năng lực***

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt : Giải bài toán bằng cách lập phương trình.

***3. Phẩm chất***

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

**2. Học sinh:**

- Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra vở bài tập)

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** Bước đầu định hướng cho hs nhận biết được, ta có thể đoán nhận số nghiệm của hpt thông qua VTTĐ của hai đường thẳng

**b) Nội dung:** Nhắc lại kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình ở lớp 8?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Hãy nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình ở lớp 8?

Hs nêu lại các bước giải toán bằng cách lập pt

Gv giới thiệu: ta sẽ áp dụng các bước đó vào SẢN PHẨM SỰ KIẾN bài học hôm nay

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM SỰ KIẾN** |
| **Hoạt động 1: *Ví dụ*****a) Mục tiêu:** Hs vận dụng được các bước giải toán bằng cách lập phương trình vào ví dụ cụ thể.**b) Nội dung:** HS căn cứ trên các kiến thức đã biết, làm việc với sách giáo khoa, hoạt động cá nhân, nhóm hoàn thành yêu cầu học tập. **c) Sản phẩm:** Trình bày được kiến thức theo yêu cầu của GV.**d) Tổ chức thực hiện:** |
| **4- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*GV yêu cầu:+ HS nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình+ HS nghiên cứu ví dụ 1- HS *hoạt động nhóm* thực hiện **?1** **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Hoạt động nhóm thảo luận thực hiện các yêu cầu của GVGV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện một nhóm trình bàyHS dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV chốt lại kiến thức  | **Ví dụ:** (*sgk*)**\*** *Các bước giải một bài toán bằng cách lập phương trình*:1) Chọn ẩn và đặt điều kiện cho ẩn2) Biểu diễn các dữ kiện chưa biết qua ẩn3) Lập phương trình4) Giải phương trình5) Kết luận**?1.** (*sgk*)Gọi chiều rộng của mảnh đất là x (*m*), x>0Chiều dài mảnh đất là x + 4 (m)Diện tích của mảnh đất là : x(x+4) (m2)Theo đề bài ta có phương trình:x(x + 4) = 320 x2 + 4x – 320 = 0’ = 22 – 1.(-320) = 324 > 0 , = 18x1 =  = 16; x2 ==-20(loại)Vậy: *chiều rộng của mảnh đất là 16m, chiều dài là 20m* |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu:** Hs áp dụng được các kiến thức trên vào bài tập cụ thể.**b. Nội dung:** Hoàn thành các bài tập**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***.*- GV hướng dẫn cả lớp làm giấy nháp bài tập 41/58 SGKSau đó HS làm bài tập 43/58 SGK**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: Thực hiện các yêu cầu của GVGV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + 1 HS lên bảng thực hiện + Lớp tham gia nhận xét, bổ sung**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS | **Vận dụng :****Bài 41/58:**Giả sử gọi số của bạn Minh chọn là x (x > 0) và số của của bạn Lan chọn hơn số của bạn Minh chọn là 5 nên số của bạn Lan là x + 5 và theo đề bài tích của chúng là 150. Ta có phương trình :  x(x + 5) = 150 x2 + 5x – 150 = 0 = 52 – 4.1.(-150) = 625 > 0 . = 25x1 = ; x2 = (*loại*)Vậy: *Số bạn Minh chọn là số 10 và số bạn Lan chọn là số 15***Bài tập 43/58:**Gọi vận tốc của xuồng lúc đi là x (*km/h*) x > 0Vận tốc lúc về sẽ là x – 5 (*km/h*)Thời gian lúc đi 120km của xuồng là : (*giờ*)Vì khi đi có nghỉ 1 giờ nên thời gian lúc đi hết tất cả là (*giờ*)Đường về dài 120 + 5 = 125 (*km*)Thời gian lúc về của xuồng là : (*giờ*)Theo đề bài ta có phương trình : =  x2 – 10 x – 600 = 0 ’ = (-5)2 – 1.(-600) = 625 > 0 . = 25x1 = ; x2 = (loại)Vậy: *vận tốc của xuồng lúc đi là 30 km/h* |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b. Nội dung:** Làm các câu hỏi và bài tập củng cố

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu 1: Nêu cách giải bài toán bằng cách lập phương trình (M1)

- GV chốt lại SẢN PHẨM SỰ KIẾN tiết học về giải bài toán bằng cách lập phương trình

***4.* *Hướng dẫn về nhà***

- Học bài theo vở ghi và SGK

- HS làm bài tập 42, 44 trang 58 SGK

\**Hướng dẫn* :

Bài 42/58: Gọi lãi suất cho vay trong một năm là x (%), x > 0

Bài 44/58: một nữa đơn vị là  *hay* 0,5

- Đọc phần “*Có thể em chưa biết* “.

- Chuẩn bị bài tập phần luyện tập để tiết sau luyện tập